TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sơn;**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18-9-2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30-10-2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Châu Cẩm N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, phường 1, thành phố V, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-9-2019, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Châu Cẩm N trình bày:

Vào năm 2007, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Minh T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào ngày 03/6/2008. Trong thời gian sống chung anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 02/8/2013 hiện con chung tên Q sống chung với chị, còn 02 con chung tên Như Y và Tường V sống chung với anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Nguyên nhân xin ly hôn: Do mâu thuẫn gia đình, hiện nay vợ chồng hết duyên nợ, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, nên đã sống ly thân từ tháng 01/2013 cho đến nay, xét thấy vợ chồng ly thân nhiều năm không còn tình cảm không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị quyết định ly hôn.

Chị Châu Cẩm N yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 02/8/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010 cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Châu Cẩm N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Cẩm N cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 chứng minh nhân dân tên Châu Cẩm N (photo); 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 03 giấy khai sinh con; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Nguyễn Minh T không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh T được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú tại huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Nguyễn Minh T trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng,

nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Châu Cẩm N và anh Nguyễn Minh T kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T vào ngày 16/4/2008 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2013 đến nay. Theo đơn khởi kiện chị N trình bày hiện nay vợ chồng hết duyên nợ, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, vợ chồng ly thân nhiều năm không còn tình cảm không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị N xin được ly hôn với anh T; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 02/8/2013, cháu Như Y và cháu Tường V có nguyện vọng được sống chung với anh T, chị N thống nhất giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Như Y và cháu Tường V cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung.

Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 02/8/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, sau khi ly hôn anh T có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010 thì anh T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con với chị N.

[5] *Về tài sản chung:* Chị N khai chị và anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Do Tòa án không trực tiếp làm việc với anh T để biết ý kiến của anh về tài sản chung và anh có tranh chấp về tài sản chung giữa anh và chị N hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh T có tranh chấp về tài sản chung với chị N thì anh T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị N.

[6] *Về nợ chung:* Chị Châu Cẩm N khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Châu Cẩm N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Châu Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Chị Châu Cẩm N đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010 cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung.

Chị Châu Cẩm N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 02/8/2013; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Châu Cẩm N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/7/2010. Vì vậy, sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh T có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung thì anh T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp mức cấp dưỡng nuôi con với chị N.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Chị Châu Cẩm N khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh T có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Châu Cẩm N.

5. Về nợ chung: Chị Châu Cẩm N khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Châu Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004641, ngày 18-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Châu Cẩm N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tập Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm